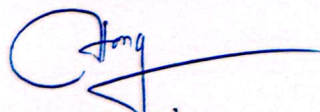


CÔNG KHAI
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023 - 2024 VÀ DỰ KIẾN MỨC THU 4 NĂM TIẾP THEO
NĂM HỌC 2024-2025; NĂM HỌC 2025 - 2026; NĂM HỌC 2026-2027; NĂM HỌC 2027-2028

STT	CÁC KHOẢN THU	NĂM HỌC 2023 - 2024	NĂM HỌC 2024 - 2025	NĂM HỌC 2025 - 2026	NĂM HỌC 2026 - 2027	NĂM HỌC 2027 - 2028
		MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá					
1	Tổ chức dạy 2 buổi/ngày (đối lớp 5)	100.000/tháng	0	0	0	0
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	Lớp 1,2:50.000/tháng Lớp 5:100.000đ/tháng	Lớp 1,2:50.000/tháng Lớp 5:100.000đ/tháng	Lớp 1,2:50.000/tháng Lớp 5:100.000đ/tháng	Lớp 1,2:50.000/tháng Lớp 5:100.000đ/tháng	Lớp 1,2:50.000/tháng Lớp 5:100.000đ/tháng
3	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	Lớp 3,4: 25.000đ/tháng Lớp 1,2,5: 50.000đ/tháng	Lớp 3,4: 25.000đ/tháng Lớp 1,2,5: 50.000đ/tháng	Lớp 3,4: 25.000đ/tháng Lớp 1,2,5: 50.000đ/tháng	Lớp 3,4: 25.000đ/tháng Lớp 1,2,5: 50.000đ/tháng	Lớp 3,4: 25.000đ/tháng Lớp 1,2,5: 50.000đ/tháng
4	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	56.000đ/tháng Thu khối 1,2,3,4	56.000đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	56.000đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	56.000đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	56.000đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5
5	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	69.000 đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	69.000 đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	69.000 đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	69.000 đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	69.000 đ/tháng Thu khối 1,2,3,4,5
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	100.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	100.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	100.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	100.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5
7	Tiền tổ chức học ngoại ngữ dự dụng phần mềm hỗ trợ	250.000/tháng Thu khối 1,2,3,4	250.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	250.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	250.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5	250.000/tháng Thu khối 1,2,3,4,5
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú					
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	200.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	200.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	200.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	200.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	200.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	220.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	220.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	220.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	220.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5	220.000 đ/tháng Thu học sinh bán trú khối 1,2,3,4,5
III	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh					

STT	CÁC KHOẢN THU	NĂM HỌC 2023 - 2024	NĂM HỌC 2024 - 2025	NĂM HỌC 2025 - 2026	NĂM HỌC 2026 - 2027	NĂM HỌC 2027 - 2028
		MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU
10	Học phẩm	- Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học	- Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Ấn chỉ để kiểm tra: 10.000 đồng/năm học	- Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Ấn chỉ để kiểm tra: 10.000 đồng/năm học	- Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Ấn chỉ để kiểm tra: 10.000 đồng/năm học	- Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Ấn chỉ để kiểm tra: 10.000 đồng/năm học
11	Tiền suất ăn trưa bán trú	Từ ngày 05/9/2023-13/10/2023: 30.000đ/hs/ngày Từ ngày 16/10/2023-31/5/2023: 34.000đ/hs/ngày	34.000 đ/ngày	34.000 đ/ngày	34.000 đ/ngày	34.000 đ/ngày
12	Tiền nước uống	- Tháng 9/2023 không thu - Tháng 10/2023 thu nửa tháng	20.000đ/tháng Thu học sinh bán trú	20.000đ/tháng Thu học sinh bán trú	20.000đ/tháng Thu học sinh bán trú	20.000đ/tháng Thu học sinh bán trú
13	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thẻ học sinh: 20.000 đồng/năm học Enetviet: 15.000 đồng/tháng	Thẻ học sinh: 20.000 đồng/năm học Enetviet: 15.000 đồng/tháng	Thẻ học sinh: 20.000 đồng/năm học Enetviet: 15.000 đồng/tháng	Thẻ học sinh: 20.000 đồng/năm học Enetviet: 15.000 đồng/tháng	Thẻ học sinh: 20.000 đồng/năm học Enetviet: 15.000 đồng/tháng
14	Tài trợ (nếu có)	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện

Người lập biểu


Trịnh Thị Thủy Hồng

